TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 02 - 2026
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thùy Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Hồng Thiêm và bà Vũ Thị Thúy

- Thư ký phiên toà*:* Bà Bùi Thị Hảo - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 118/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2026/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn V, xã T1, tỉnh H;

Căn cước công dân: 034191011688

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn V, xã T1, tỉnh H;

Căn cước công dân: 034086004174

(Chị T, anh L đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng tài liệu đã xuất trình, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thuỵ Ninh, huyện Thái Thuỵ, tỉnh Thái Bình (nay là xã T1, tỉnh H) ngày 04/6/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do

bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc và vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2025 đến nay, không còn quan tâm nhau nữa. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

- Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung là Nguyễn Việt C, sinh ngày 07/3/2013 và Nguyễn Quốc C1, sinh ngày 13/10/2017. Ly hôn, chị đề nghị Toà án giao cháu Nguyễn Việt C cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giao cháu Nguyễn Quốc C1 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc, chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị tại phiên tòa sơ thẩm.

** Theo biên bản lấy lời khai, anh Nguyễn Văn L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định hoàn cảnh, thời gian kết hôn như chị T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận. Từ đầu năm 2025, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vì chị T không chung thuỷ, sau đó chị T tự ý bỏ đi. Từ tháng 6/2025 đến nay vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nhưng anh không đồng ý ly hôn vì con còn nhỏ.

- Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là Nguyễn Việt C, sinh ngày 07/3/2013 và Nguyễn Quốc C1, sinh ngày 13/10/2017. Nếu ly hôn, anh đề nghị Toà án giao cháu Nguyễn Việt C cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giao cháu Nguyễn Quốc C1 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định anh và chị T không có nợ chung. Về tài sản chung, anh xác định anh và chị T có 50.000.000 đồng là tài sản chung của hai vợ chồng nhưng anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Do vụ án không tiến hành hòa giải được nên đưa ra xét xử theo quy định.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng, bị đơn chấp hành chưa đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ các khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn L. Về con chung, căn cứ Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Nguyễn Việt C cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giao cháu Nguyễn Quốc C1 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung, nợ chung, không đặt ra vấn đề giải quyết. Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị T xin xét xử vắng mặt, anh L đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh L kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp. Trong quá trình chung sống, do tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, có nhiều bất đồng quan điểm sống, mặt khác vợ chồng lại sống cách xa nhau, mỗi người một nơi nên không có tiếng nói chung và không còn tình cảm. Mặc dù anh L không đồng ý ly hôn nhưng chị T nhất quyết muốn ly hôn. Cả hai đều khẳng định vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau, như vậy hôn nhân chỉ còn là hình thức. Xét thấy mục đích hôn nhân của chị T và anh L không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị T xin ly hôn anh L là có căn cứ nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh L có 02 con chung là Nguyễn Việt C, sinh ngày 07/3/2013, hiện đang sinh sinh sống cùng chị T và cháu Nguyễn Quốc C1, sinh ngày 13/10/2017, hiện đang sống cùng anh L. Anh L và chị T đều có nguyện vọng giao cháu Nguyễn Việt C cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giao cháu Nguyễn Quốc C1 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Xét điều kiện, hoàn cảnh của các đương sự cũng như nguyện vọng của con chung, để bảo đảm sự phát triển mọi mặt và môi trường sống ổn định của con chung, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Nguyễn Việt C cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giao cháu Nguyễn Quốc C1 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp. Anh L, chị T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Việt C, sinh ngày 07/3/2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giao cháu Nguyễn Quốc C1, sinh ngày 13/10/2017 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh L và chị T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi các đương sự có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0001762 ngày 06/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh H sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T, anh L vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thùy Dung

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND KV7 – Hưng Yên;*
- *TAND – VKSND tỉnh H;*
- *Phòng THADS KV7 – Hưng Yên;*
- *UBND xã T1;*
- *Lưu HCTP;*
- *Lưu hồ sơ;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thùy Dung